

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Linh.

Ông Đỗ Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 22 tháng 6 và ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1959 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cư trú tại: ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phan Thị T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1985, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường hay bất đồng

quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường hay cự cãi. Hiện tại ông bà đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị T.

Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1985 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Hiện các con của ông bà đã trưởng thành.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Phan Thị T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà Phan Thị T vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Ông D bảo lưu quan điểm và xác định ông và bà Tsống chung với nhau trước năm 1985 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc và hiện tại xã T không còn lưu hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị T vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phan Thị T.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị T tìm hiểu, tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1985, hiện ông không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn và Ủy ban nhân dân xã T huyện T không có lưu hồ sơ kết hôn của ông bà, nhưng thực tế chị Nguyễn Thị Kim L là người con lớn nhất của ông bà sinh năm 1985 từ đó có đủ cơ sở chứng minh ông bà sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1985 và đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Ông D nhận thấy cuộc sống của ông bà có nhiều bất hòa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông D yêu cầu ly hôn, bà T không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của ông D và bà T là có xảy ra, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho ông bà. Xét thấy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn D, ông D được ly hôn với bà Phan Thị T.

[3] Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1985 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Hiện các con của ông bà đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng. Ông D thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên ông D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phan Thị T.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Phan Thị T.

Về nuôi con chung: Không đặt ra xem xét.

Về chia tài sản: Không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn D được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiền;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiền;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương

